

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Số: 1071 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 4 năm 2015, từ trang 03 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

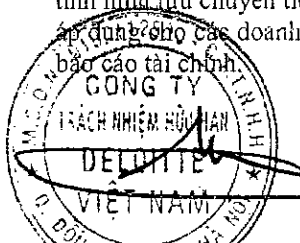
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 07 tháng 4 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DNPNT
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		989.110.366.251	890.974.327.185
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	262.727.820.786	182.337.903.315
1. Tiền	111		44.727.820.786	45.837.903.315
2. Các khoản tương đương tiền	112		218.000.000.000	136.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	404.739.879.000	436.941.472.176
1. Đầu tư ngắn hạn	121		412.193.032.549	441.725.943.777
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.453.153.549)	(4.784.471.601)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.413.505.402	269.055.372.459
1. Phải thu khách hàng	131		155.938.096.994	325.925.128.321
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	8	86.131.657.776	220.974.405.196
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	9	69.806.439.218	104.950.723.125
2. Trả trước cho người bán	132		1.503.085.807	2.063.025.596
4. Các khoản phải thu khác	135		4.561.547.761	5.135.655.821
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(39.589.225.160)	(64.068.437.279)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.548.049.855	2.639.579.235
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	10.739.937.869	627.972.267
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		10.084.462.832	-
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		655.475.037	627.972.267
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.749.207	2.350.048
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.782.362.779	2.009.256.920
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	186.681.111.208	-
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		123.578.176.130	-
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		63.102.935.078	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		51.542.673.911	52.118.975.781
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.204.745.590	7.464.215.590
4. Phải thu dài hạn khác	218		7.204.745.590	7.464.215.590
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		6.000.000.000	6.000.000.000
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		1.204.745.590	1.464.215.590
II. Tài sản cố định	220		5.683.449.997	5.633.616.866
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.499.869.186	5.512.723.234
Nguyên giá	222		15.913.354.969	13.587.356.319
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.413.485.783)	(8.074.633.085)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	183.580.811	120.893.632
Nguyên giá	228		1.310.350.000	1.175.350.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.126.769.189)	(1.054.456.368)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		37.990.000.000	37.990.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	37.990.000.000	37.990.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		664.478.324	1.031.143.325
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		664.478.324	1.031.143.325
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.040.653.040.162	943.093.302.966

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DNPNT
Đơn vị: VND

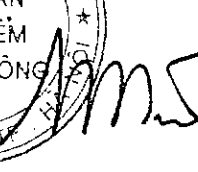
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		503.952.219.222	412.083.013.502
I. Nợ ngắn hạn	310		499.005.380.600	407.169.036.624
2. Phải trả cho người bán	312		142.461.758.432	194.291.372.258
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	16	141.517.076.642	194.053.772.258
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		944.681.790	237.600.000
3. Người mua trả tiền trước	313		3.742.372.213	506.153.097
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	9.083.951.850	6.279.556.881
5. Phải trả người lao động	315		5.754.619.346	4.305.058.804
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	1.547.800.222	4.050.508.499
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		9.722.136.820	-
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	19	326.692.741.717	197.736.387.085
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		199.848.509.638	71.037.532.889
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		97.236.634.369	98.643.200.193
13.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		29.607.597.710	28.055.654.003
II. Nợ dài hạn	330		4.946.838.622	4.913.976.878
3. Phải trả dài hạn khác	333		101.000.000	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	20	4.845.838.622	4.913.976.878
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		536.700.820.940	531.010.289.464
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	536.700.820.940	531.010.289.464
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		9.579.312.447	8.082.261.173
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.121.508.493	22.928.028.291
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.040.653.040.162	943.093.302.966

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	970.066.04	1.018.433,63
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	30.37	-


Nguyễn Hoàng Mai
Người lập biểu


Trần Việt Quân
Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02A-DNPNT
Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	170.512.274.849	174.154.240.022
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	70.028.692.668	61.701.601.658
4. Thu nhập khác	13	240.085.301	1.116.192.524
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	145.977.026.315	117.134.363.703
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	23.773.290.684	22.550.876.038
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	32.511.990.660	60.914.464.055
9. Chi phí khác	24	288.272.296	1.879.006.018
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	38.230.472.863	34.493.324.390
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8.289.447.387	9.493.229.331
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60	29.941.025.476	25.000.095.059
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	599	500

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02A-DNPNT
Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	22	425.637.730.956	444.501.319.030
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		376.760.022.449	412.478.840.251
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		30.389.604.917	38.270.008.626
- (Giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(18.488.103.590)	6.247.529.847
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	23	275.676.154.014	298.448.668.619
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		251.955.249.805	298.448.668.619
- (Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(23.720.904.209)	-
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		149.961.576.942	146.052.650.411
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		20.550.697.907	28.101.589.611
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		19.135.370.178	27.004.223.236
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		1.415.327.729	1.097.366.375
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		170.512.274.849	174.154.240.022
6. Chi bồi thường	11		123.694.025.472	118.895.123.530
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		66.772.134.674	62.192.524.391
8. (Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(10.360.025.883)	(8.352.329.055)
9. (Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(16.313.401.021)	-
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	24	62.875.265.936	48.350.270.084
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		1.551.943.707	1.523.139.752
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	25	81.549.816.672	67.260.953.867
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		10.350.487.142	22.911.432.527
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		71.199.329.530	44.349.521.340
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		145.977.026.315	117.134.363.703
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		24.535.248.534	57.019.876.319

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

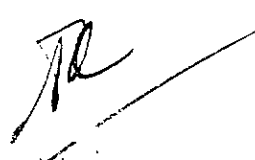
MẪU SỐ B 02A-DNPNT
Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	26	70.028.692.668	61.701.601.658
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	27	23.773.290.684	22.550.876.038
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		46.255.401.984	39.150.725.620
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	32.511.990.660	60.914.464.055
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		38.278.659.858	35.256.137.884
23. Thu nhập khác	31		240.085.301	1.116.192.524
24. Chi phí khác	32		288.272.296	1.879.006.018
25. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(48.186.995)	(762.813.494)
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.230.472.863	34.493.324.390
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	8.289.447.387	9.493.229.331
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		29.941.025.476	25.000.095.059
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	599	500



Nguyễn Hoàng Mai
Người lập biểu



Trần Việt Quân
Kế toán trưởng




Nguyễn Anh Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2015